

SELF-PRESENTATIONAL BEHAVIOR OF SECONDARY STUDENTS IN HANOI

Nguyen Quang Anh*

and Nguyen Thi Hai Thien

*Faculty of Psychology and Education,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

*Corresponding author: Nguyen Quang Anh,
email: nqanh@hnue.edu.vn

Received March 24, 2025.

Revised July 2, 2025.

Accepted July 3, 2025.

HÀNH VI THỂ HIỆN BẢN THÂN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Quang Anh*

và Nguyễn Thị Hải Thiện

*Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư
phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Anh,
email: nqanh@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/6/2025.

Ngày sửa bài: 2/7/2025.

Ngày nhận đăng: 3/7/2025.

Abstract. This study aims to explore the levels and forms of self-presentational behaviors among secondary school students in various communication environments and examine differences by gender, grade level, and school location. The survey sample consisted of 494 students in grades 8-11 from public and private schools in Hanoi. Data were collected using a self-report questionnaire developed by the research team, comprising 36 items with a Cronbach's Alpha reliability coefficient of $\alpha = 0,88$. Findings reveal that secondary school students exhibit a relatively appropriate level of self-presentational behaviors. Among the domains, physical appearance self-presentation was the most appropriately expressed, followed by moral self-presentation, while the competence-related one received the lowest scores. The collected data contribute to enriching the overall understanding of self-presentational behaviors among secondary students, including their manifestations in real life and on social media. The study also outlines contributions, limitations, and directions for future research.

Keywords: self-presentational behavior, secondary students, Hanoi city.

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng mức độ và biểu hiện hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học trong đời sống thực và trên mạng xã hội, cũng như sự khác biệt hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học theo các lát cắt về về giới tính, khối lớp, và địa bàn trường. Khách thể tham gia khảo sát gồm 494 học sinh lớp 8, lớp 9, lớp 10 và lớp 11 tại các trường công lập, tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Công cụ chính được sử dụng là bảng hỏi tự thuật do nhóm nghiên cứu xây dựng gồm 36 items với độ tin cậy Cronbach's Alpha ở mức $\alpha = 0,88$. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh trung học có hành vi thể hiện bản thân đạt mức độ tương đối phù hợp, trong đó hành vi thể hiện về bề ngoài được học sinh trung học bộc lộ phù hợp nhất, tiếp đến là hành vi thể hiện giá trị đạo đức, và hành vi thể hiện năng lực của học sinh trung học đạt điểm thấp nhất. Dữ liệu thu được đã góp phần làm phong phú hơn bức tranh thực trạng chung về hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học cũng như các biểu hiện của hành vi này trong đời sống thực và trên mạng xã hội. Những đóng góp, hạn chế và định hướng cho những nghiên cứu trong tương lai cũng sẽ được đề cập trong nghiên cứu này.

Từ khóa: hành vi thể hiện bản thân, học sinh trung học, thành phố Hà Nội.

1. Mở đầu

Hành vi thể hiện bản thân là một chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học và xã hội học trên thế giới. Thuật ngữ thể hiện bản thân lần đầu xuất hiện trong cuốn “The Presentation of Self in Everyday Life” (Sự thể hiện của bản thân trong cuộc sống hàng ngày) vào năm 1956 bởi nhà tâm lý học xã hội, xã hội học Erving Goffman. Mặc dù đã có một lịch sử khá dài để nghiên cứu về hiện tượng tâm lý này nhưng đa phần các tác giả không nghiên cứu ở lứa tuổi thiếu niên và đầu thanh niên mà lại có xu hướng tập trung vào độ tuổi lớn hơn [1]. Hành vi thể hiện bản thân chỉ xuất hiện khi cá nhân ở trong tương tác xã hội, trong mối quan hệ liên nhân cách (Leary, 1993) [2]. Trong khi đó giao tiếp với bạn ngang hàng chiếm vị trí rất quan trọng trong đời sống và đối với việc phát triển nhân cách của học sinh trung học, vì thế hành vi thể hiện bản thân là một phần không thể thiếu trong quá trình phát triển của học sinh ở lứa tuổi này [3].

Trên cơ sở khái niệm hành vi thể hiện bản thân nói chung và đặc điểm tâm lý cơ bản của học sinh trung học nói riêng, trong nghiên cứu này chúng tôi quan niệm rằng: Hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học là việc học sinh trung học chủ động bộc lộ về bề ngoài của bản thân, năng lực và giá trị đạo đức của mình trong quá trình trao đổi thông tin, trao đổi cảm xúc, thiết lập mối quan hệ và gây ấn tượng với bạn bè nhằm thỏa mãn nhu cầu hoặc thực hiện mục đích giao tiếp. Học sinh có thể thể hiện bản thân qua việc (1) thể hiện về bề ngoài của mình, (2) thể hiện giá trị đạo đức và (3) thể hiện năng lực bản thân. Trong cấu trúc của hành vi, ngoài những phản ứng bên ngoài được bộc lộ nhằm đáp ứng những kích thích thì còn có ý thức với tư cách là phản ứng bên trong (Phan Trọng Ngọ & Lê Minh Nguyệt, 2019) [4]. Nói cụ thể hơn, hành vi thể hiện bản thân (hay hành vi bên ngoài) là phương tiện để ý thức về bản thân (tự ý thức) được bộc lộ ra bên ngoài. Hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học với bạn bè được bộc lộ ra bên ngoài dựa trên sự tích cực, chủ động của các em trong việc thực hiện các hành động thể hiện bản thân qua các phương thức giao tiếp, bao gồm giao tiếp trực tiếp (hay giao tiếp mặt đối mặt) và giao tiếp gián tiếp (hay giao tiếp qua mạng xã hội). Như vậy, các em có thể thực hiện hành vi thể hiện bản thân này mọi lúc, mọi nơi. Nói cách khác, không có giới hạn về không gian giao tiếp và thời gian giao tiếp cho hành vi thể hiện bản thân của thiếu niên và thanh niên học sinh.

Lứa tuổi học sinh trung học tương đương với các em ở lứa tuổi từ 10, 11 đến 17, 18, tương đương với giai đoạn học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông - là thời kì diễn ra nhiều sự thay đổi cả về hình thức và đời sống tâm lý, nhân cách. Hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học, nhất là giai đoạn trung học cơ sở đôi khi còn là nhu cầu và là biểu hiện của sự tự đánh giá bản thân của các em. Huang (2014) đã phát hiện rằng hành vi thể hiện bản thân của thanh thiếu niên được thể hiện thông qua 4 chiến lược: khen ngợi bạn bè để thể hiện sự thân thiện và quan tâm của họ; xin lỗi bạn bè hoặc biện minh cho hành vi tiêu cực hoặc xúc phạm; hợp lý hóa lí do tại sao nhận được điểm kém, và chia sẻ điểm số tốt, thành tích tích cực hoặc ảnh lên mạng xã hội (Huang, 2014) [5]. Học sinh trung học không chỉ tự ý thức về bề ngoài, phẩm chất và năng lực của bản thân một cách đơn thuần, mà còn ý thức bản thân với tư cách là một thành viên của xã hội (Trương Thị Khánh Hà, 2013) [6]. Về mặt tích cực, học sinh trung học thể hiện bản thân qua việc học tập, tham gia các hoạt động xã hội, tạo dựng mối quan hệ lành mạnh, bộc lộ quan điểm cá nhân và theo đuổi sở thích, đam mê. Trái ngược lại, xuất phát từ mong muốn khẳng định bản thân, được nổi bật, muốn thể hiện cái tôi và cá tính riêng của mình, nhiều em lại có xu hướng bộc lộ những biểu hiện tiêu cực, chống đối những chuẩn mực và quy tắc xã hội. Theo Nguyễn Lâm Thu Trang và cộng sự (2024), đa phần học sinh thường xuyên mất ngủ khi nghĩ tới ngoại hình của bản thân, che giấu những đặc điểm của cơ thể không đẹp dưới mũ, khăn quàng cổ, trang điểm để không cảm thấy tự ti. Các em cũng thường xuyên kiểm tra ngoại hình của mình, tìm cách cố gắng thay đổi ngoại hình của mình nhanh nhất có thể, dẫn đến những biện pháp không tích cực để giảm cân, giữ dáng như nhịn ăn, ăn không đủ chất [7]. Trên môi trường mạng xã hội, người trẻ có xu hướng thể hiện những cái tôi ảo, cái tôi thái quá, không đúng với thực tế nhằm thu hút sự chú ý của các thành viên trên cộng đồng mạng thông qua rất nhiều các hình thức khác

nhau như: đăng tải các bài viết, video thể hiện quan điểm của bản thân về các vấn đề trong xã hội (Hoàng Thị Phương, 2016) [8].

Các nghiên cứu thực chứng đã cho thấy mối quan hệ của hành vi thể hiện bản thân với các đặc điểm nhân cách cá nhân. Kowalski và Leary (1990) đã phát hiện ra rằng việc thể hiện bản thân một cách tích cực không chỉ làm tăng lòng tự trọng của những khách thể có lòng tự trọng thấp, mà lòng tự trọng của họ còn có thể cao như những khách thể có lòng tự trọng cao từ đầu bởi vì những khách thể có lòng tự trọng thấp có động lực thể hiện bản thân tích cực hơn [9].

Như vậy, việc tìm hiểu thực trạng hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học sẽ giúp các nhà quản lý giáo dục, cha mẹ, và đặc biệt là các cán bộ tâm lý học đường biết cách hướng dẫn các em thể hiện bản thân cũng như xây dựng các chương trình phòng ngừa học đường phù hợp. Chính vì thế, nghiên cứu này hướng tới mục đích tìm câu trả lời cho hai câu hỏi chính sau: thứ nhất, thực trạng biểu hiện và mức độ hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học trên địa bàn Thành phố Hà Nội như thế nào?; Thứ hai, liệu có sự khác biệt về hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học theo các lát cắt về về giới tính, khối lớp và địa bàn trường hay không?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất (non-probability sampling), tiến hành kỹ thuật chọn mẫu tiện lợi (convenience or accidental sampling) trên cơ sở các khách thể có sẵn khi thu thập số liệu, không quan tâm đến sự lựa chọn có ngẫu nhiên hay không [10].

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu khách thể nghiên cứu

Tiêu chí	Giới tính (%)		Khối lớp (%)				Học lực (%)				Tổng N=494
	Nữ (266)	Nam (228)	Lớp 8 (132)	Lớp 9 (114)	Lớp 10 (122)	Lớp 11 (125)	Giỏi (314)	Khá (143)	Trung bình (30)	Yếu (7)	
Xét theo loại hình trường (%)	Trường công lập (N = 399)										80,8%
	57,4	42,6	33,1	28,6	21,8	16,5	71,7	22,3	4,3	1,7	
	Trường tư thục (N = 95)										19,2%
	38,9	61,1	0	0	36,8	63,2	29,5	56,8	13,7	0	
Xét theo địa bàn trường (%)	Trường nội thành (N = 292)										59,1%
	51,7	48,3	29,8	15,4	28,1	26,7	69,5	25,7	4,8	0	
	Trường ngoại thành (N = 202)										40,9%
	56,9	43,1	22,3	34,2	19,8	23,7	54,9	33,7	7,9	3,5	
Tổng (%)	53,8	46,2	26,7	23,1	24,7	25,5	63,6	28,9	6,1	1,4	100%

Mẫu nghiên cứu gồm 494 học sinh trung học (lớp 8, lớp 9, lớp 10) tại các trường công lập và tư thục trên địa bàn Thành phố Hà Nội (bao gồm nội thành và ngoại thành). Chúng tôi lựa chọn khảo sát 04 khối lớp trên nhằm đảm bảo tính liên mạch, đồng thời không khảo sát lớp 6, lớp 7, và lớp 12 vì học sinh khối lớp 6 và khối lớp 7 là những học sinh mới chuyển cấp, còn tương đối nhỏ tuổi, còn học sinh khối lớp 12 đang tham gia các kì thi xét tuyển đại học cũng như đang chuẩn bị cho kì thi THPT Quốc gia.

Đặc điểm mẫu nghiên cứu được thể hiện ở bảng 1 như trên. Nhìn chung, điểm mạnh trong khảo sát của chúng tôi là sự tương đồng về tổng số lượng khách thể xét theo giới tính, khối lớp, cấp học và địa bàn trường. Ngoài ra, số lượng khách thể học tại trường công lập tham gia khảo

sát chiếm tỉ lệ nhiều hơn số lượng khách thể học tại trường tư thục (80,8% và 19,2%). Tỉ lệ học sinh giỏi chiếm tỉ lệ lớn nhất (chiếm 63,6%), tiếp sau đó là học sinh có học lực khá (chiếm 28,9%), học sinh đạt học lực trung bình và yếu lần lượt chiếm (6,1% và 1,4%).

2.2. Công cụ nghiên cứu

Thang đo hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học gồm 36 mệnh đề miêu tả cụ thể các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân thông qua quá trình trao đổi thông tin, trao đổi cảm xúc, gây ấn tượng với bạn bè, thiết lập quan hệ bạn bè trong cuộc sống và trên mạng xã hội, được thiết kế dưới dạng thang đo Likert với 5 mức độ: 1 = “Hoàn toàn không đúng với tôi”, 2 = “Đúng với tôi rất ít”, 3 = “Trung lập”, 4 = “Đúng với tôi phần nhiều”, 5 = “Hoàn toàn đúng với tôi”. Trong 36 mệnh đề này có 12 nhận định mô tả về hành vi thể hiện về bề ngoài của học sinh trung học (ví dụ như “Tôi đeo các phụ kiện (trang sức, đồng hồ, vòng tay,...) để khiến bạn bè ấn tượng về bề ngoài của tôi hơn.”); 13 nhận định mô tả về hành vi thể hiện năng lực của học sinh trung học (ví dụ như “Tôi giới thiệu những thành tích nổi bật của mình trong các hội nhóm (thông qua bài viết, hình ảnh, video,...) để kết nối với nhiều bạn tài giỏi.”); 11 nhận định mô tả về hành vi thể hiện giá trị đạo đức của học sinh trung học (ví dụ như “Tôi lan toả những thông điệp về phẩm chất tốt đẹp của bản thân nhằm gây ảnh hưởng đến bạn bè của mình thông qua các bài đăng (bài viết, hình ảnh, video,...).”).

Tổng điểm trung bình toàn thang đo càng cao thì càng cho thấy mức độ phù hợp của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học (giá trị điểm trung bình dao động từ 1 - 5). Trong nghiên cứu này, thang đo hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học có độ tin cậy Cronbach's Alpha tốt ở mức 0,88.

Dựa trên điểm trung bình và độ lệch chuẩn của toàn thang đo, chúng tôi đã tiến hành chia điểm trung bình của khách thể thành 5 mức điểm khác nhau, từ mức độ 1 (Rất không phù hợp) cho đến mức độ 5 (Rất phù hợp). Việc phân chia các mức điểm như trên chỉ áp dụng cho mẫu khách thể tham gia khảo sát trong nghiên cứu này (xem bảng 2).

Bảng 2. Các mức độ hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học

ĐTB (ĐLC)	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5
3,23 (0,53)	1 – 2,15	2,16 – 2,69	2,70 – 3,76	3,77 – 4,30	4,31 - 5

2.3. Quy trình nghiên cứu

Sau khi nhận được sự đồng ý của Ban giám hiệu nhà trường, của giáo viên chủ nhiệm cũng như của học sinh trung học trên địa bàn Thành phố Hà Nội, nhóm nghiên cứu đã phát phiếu khảo sát trực tiếp tại lớp học, hướng dẫn học sinh trả lời phiếu và thu phiếu ngay sau khi các em hoàn thành tại lớp học. Câu trả lời của học sinh được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 26.0 với những phép thống kê mô tả như tỉ lệ %, điểm trung bình, độ lệch chuẩn cũng như thống kê suy luận, như kiểm định t-test, One-way ANOVA...

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Thực trạng hành vi thể hiện bản thân ở học sinh trung học

Bảng 3. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học

Tiêu chí	Hành vi thể hiện bản thân	ĐTB (ĐLC)
Xét theo nội dung hành vi thể hiện bản thân	Thể hiện về bề ngoài	3,47 (0,61)
	Thể hiện năng lực	2,99 (0,68)
	Thể hiện giá trị đạo đức	3,23 (0,63)
Xét theo môi trường giao tiếp	Trong đời sống thực	3,32 (0,55)
	Trên mạng xã hội	2,89 (0,61)
Tổng thang đo		3,23 (0,53)

Bảng 3 mô tả cụ thể thực trạng hành vi thể hiện bản thân ở học sinh trung học ở tiêu chí nội dung với các khía cạnh: (1) hành vi thể hiện về bề ngoài, (2) hành vi thể hiện năng lực và (3) hành vi thể hiện giá trị đạo đức; và hành vi thể hiện bản thân ở môi trường giao tiếp gồm: (1) trong đời sống thực và (2) trên môi trường mạng của học sinh trung học, thể hiện chi tiết điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

Dữ liệu Bảng 3 cho thấy hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học đạt mức độ tương đối phù hợp với ĐTB = 3,23 và DLC = 0,54 (điểm thấp nhất = 1; điểm cao nhất = 5), được biểu hiện qua 3 khía cạnh là hành vi thể hiện về bề ngoài, hành vi thể hiện năng lực và hành vi thể hiện giá trị đạo đức. Nhìn chung, phổ điểm của cả ba loại hành vi thể hiện bản thân này đều rơi vào mức trung bình, trong đó học sinh trung học bộc lộ hành vi thể hiện về bề ngoài phù hợp nhất (ĐTB = 3,47; DLC = 0,61), tiếp đến là hành vi thể hiện giá trị đạo đức (ĐTB = 3,23; DLC = 0,63) và hành vi thể hiện năng lực của học sinh trung học đạt điểm thấp nhất (ĐTB = 2,99; DLC = 0,68). Bên cạnh đó, hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học trong đời sống thực được bộc lộ phù hợp hơn so với trên mạng xã hội (lần lượt tương ứng với ĐTB = 3,32; DLC = 0,55 và ĐTB = 2,89; DLC = 0,61).

Bảng 4. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn các mức độ hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học

Mức độ hành vi thể hiện bản thân	ĐTB	DLC	Số lượng	Tỉ lệ
Rất không phù hợp	1,96	0,16	18	3,64%
Phù hợp một phần	2,50	0,14	86	17,41%
Tương đối phù hợp	3,21	0,29	343	69,43%
Phù hợp phần nhiều	3,94	0,14	40	8,10%
Rất phù hợp	4,59	0,22	7	1,42%
Tổng			494	100%

Từ Bảng 4 có thể thấy rằng số lượng học sinh bộc lộ hành vi thể hiện bản thân ở mức độ tương đối phù hợp là nhiều nhất (ĐTB = 3,21; DLC = 0,29) với 343 em, chiếm 69,43% tổng số khách thể tham gia khảo sát. Ngoài ra, số lượng học sinh bộc lộ hành vi thể hiện bản thân rất phù hợp (ĐTB = 4,59; DLC = 0,22) có tỉ lệ thấp nhất, chiếm 1,42%

2.4.2. Sự khác biệt về hành vi thể hiện bản thân ở học sinh trung học xét theo giới tính

Bảng 5. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo giới tính

Hành vi thể hiện bản thân	Điểm trung bình (ĐTB/DLC)		Trị số p
	Nội thành	Ngoại thành	
Thể hiện về bề ngoài	3,54 (0,55)	3,39 (0,66)	0,00
Thể hiện năng lực	2,99 (0,67)	2,98 (0,69)	0,77
Thể hiện giá trị đạo đức	3,22 (0,60)	3,22 (0,65)	0,92
Trong đời sống thực	3,28 (0,57)	3,21 (0,64)	0,20
Trên mạng xã hội	2,90 (0,66)	2,87 (0,75)	0,53
Tổng hành vi thể hiện bản thân	3,35 (0,49)	3,29 (0,58)	0,28

Để đánh giá sự khác biệt về mức độ các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học theo lát cắt về giới tính (nam, nữ), chúng tôi tiến hành kiểm định t -test với giá trị phương sai đồng nhất (Test of Homogeneity of Variances) bằng Levene's test với độ tin cậy 95%.

Cụ thể: Về nội dung của hành vi thể hiện bản thân chỉ có sự khác biệt về giới tính về hành vi thể hiện bản thân ở khía cạnh “thể hiện hình ảnh bề ngoài” với $p=0,009 < 0,05$. Tìm hiểu sâu ĐTB cho thấy học sinh nữ có hành vi thể hiện bề ngoài phù hợp hơn học sinh nam (ĐTB= 3,54, ĐLC=0,55 so với ĐTB=3,39, ĐLC=0,66). Ở hai khía cạnh còn lại là “thể hiện năng lực” và “thể hiện giá trị đạo đức” kết quả thống kê suy luận t -test cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính với giá trị $p > 0,05$ (Bảng 5).

Về môi trường biểu hiện hành vi thể hiện bản thân, dữ liệu thu được cũng cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hành vi này ở cả học sinh nam và học sinh nữ dù trên môi trường mạng hay trong đời sống thực với giá trị $p > 0,05$ (Bảng 5).

2.4.3. Sự khác biệt về hành vi thể hiện bản thân ở học sinh trung học xét theo khối lớp

Bảng 6. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo khối lớp

Hành vi thể hiện bản thân	Khối lớp (ĐTB/ĐLC)				Trị số p
	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	
Thể hiện về bề ngoài	3,42 (0,62)	3,49 (0,63)	3,46 (0,53)	3,52 (0,63)	0,57
Thể hiện năng lực	2,99 (0,76)	3,02 (0,64)	3,00 (0,60)	2,94 (0,69)	0,83
Thể hiện giá trị đạo đức	3,23 (0,62)	3,22 (0,64)	3,23 (0,60)	3,23 (0,65)	0,98
Trong đời sống thực	3,16 (0,62)	3,25 (0,67)	3,28 (0,51)	3,30 (0,59)	0,29
Trên mạng xã hội	3,01 (0,68)	3,06 (0,67)	2,97 (0,70)	3,08 (0,77)	0,59
Tổng hành vi thể hiện bản thân	3,21 (0,55)	3,25 (0,53)	3,23 (0,49)	3,22 (0,53)	0,46

Để đánh giá sự khác biệt về mức độ các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học theo lát cắt về khối lớp (lớp 8, lớp 9, lớp 10, lớp 11), chúng tôi tiến hành kiểm định ANOVA với giá trị phương sai đồng nhất (Test of Homogeneity of Variances) bằng Levene's test với độ tin cậy 95%. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo sự khác biệt về khối lớp ($p > 0,05$) ở cả nội dung thể hiện bản thân và môi trường biểu hiện. Mặc dù giá trị ĐTB của học sinh các khối lớp có sự khác biệt ở các khía cạnh nội dung và môi trường thể hiện song sự khác biệt này là không có ý nghĩa thống kê.

Dữ liệu thu được cũng cho thấy kết quả đáng lưu tâm là xét theo khối lớp, học sinh trung học có xu hướng bộc lộ hành vi thể hiện về bề ngoài phù hợp nhất so với các biểu hiện còn lại của hành vi thể hiện bản thân, trong đó học sinh lớp 11 bộc lộ nhiều nhất (ĐTB = 3,52; ĐLC = 0,63). Trái ngược lại biểu hiện hành vi thể hiện bản thân trên mạng xã hội của học sinh lớp 10 được bộc lộ ít phù hợp nhất, với ĐTB = 2,97; ĐLC = 0,70.

2.4.4. Sự khác biệt về hành vi thể hiện bản thân ở học sinh trung học xét theo địa bàn trường

Bảng 7. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo địa bàn trường

Hành vi thể hiện bản thân	Địa bàn (ĐTB/ĐLC)		Trị số p
	Nội thành	Ngoại thành	
Thể hiện về bề ngoài	3,50 (0,60)	3,43 (0,62)	0,22
Thể hiện năng lực	2,98 (0,68)	3,00 (0,67)	0,81
Thể hiện giá trị đạo đức	3,21 (0,62)	3,24 (0,64)	0,57
Trong đời sống thực	3,35 (0,54)	3,28 (0,54)	0,20
Trên mạng xã hội	2,86 (0,61)	2,92 (0,59)	0,28
Tổng hành vi thể hiện bản thân	3,25 (0,49)	3,20 (0,58)	0,28

Kiểm định t-test về sự khác biệt ở hành vi thể hiện bản thân theo loại hình trường cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo địa bàn trường, ở cả nội dung hay môi trường thể hiện bản thân ($p > 0,05$). Như vậy, dù là học sinh học tập ở trường nội thành hay ngoại thành đều bộc lộ hành vi thể hiện bản thân tương đối như nhau.

2.5. Bàn luận

Nghiên cứu đã góp thêm dữ liệu vào bức tranh thực trạng chung về hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học trong đời sống thực và trên mạng xã hội cũng như sự khác biệt hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học theo các lát cắt về giới tính, khối lớp, và địa bàn trường. Kết quả nghiên cứu đã trả lời được hai câu hỏi nghiên cứu đề ra.

Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học đạt mức độ tương đối phù hợp, trong đó hành vi thể hiện về bề ngoài được học sinh trung học bộc lộ nhiều và phù hợp nhất, tiếp đến là hành vi thể hiện giá trị đạo đức, và hành vi thể hiện năng lực của học sinh trung học đạt điểm thấp nhất. Kết quả này có thể được giải thích từ đặc trưng trong sự phát triển tâm lý cá nhân. Bởi lẽ ở trong giai đoạn lứa tuổi trung học, sự tự ý thức của các em phát triển rất mạnh mẽ, đặc biệt nhất là sự ý thức về hình ảnh bản thân, mà hành vi thể hiện bản thân (hay hành vi bên ngoài) là phương tiện để ý thức về bản thân (tự ý thức) được bộc lộ ra bên ngoài. Đồng thuận với kết quả nghiên cứu này, Jones và Pittman (1982) cũng kết luận rằng phần lớn việc thể hiện bản thân hướng đến việc đạt được một trong hai hình ảnh mong muốn: đầu tiên, cá nhân muốn thể hiện hình ảnh dễ mến, và thứ hai cá nhân muốn thể hiện hình ảnh của một người có năng lực [11]. Ủng hộ quan điểm trên, Friedlander và Schwartz (1985) cũng cho rằng trong giao tiếp, cá nhân cố gắng tạo ấn tượng về năng lực, đạo đức và hình ảnh bề ngoài hấp dẫn vì những ấn tượng này có thể nâng cao khả năng ảnh hưởng đến người khác nhằm đáp ứng nhu cầu của họ [12].

Nghiên cứu ghi nhận mức độ hành vi thể hiện bản thân trên mạng xã hội của học sinh trung học ít phù hợp hơn so với trong đời sống thực. Học sinh trung học trong nghiên cứu này chính là những công dân thế hệ gen Z - còn được gọi là những công dân thế hệ số, các em rất giỏi công nghệ và dành nhiều thời gian tương tác trên các nền tảng mạng xã hội (Phạm Mạnh Hà và cộng sự, 2022) [13]. Lứa tuổi này dễ có những hành vi bất chước, làm theo trào lưu trên mạng từ đó dẫn đến những hành vi không phù hợp với người khác như bắt nạt trực tuyến hay với sự thể hiện của chính bản thân mình. Ngoài ra công nghệ giao tiếp đang là một thách thức với các chiến lược thể hiện bản thân do số lượng càng tăng ở nguồn thông tin trực tuyến về cá nhân (Rui và Stefanone, 2013) [14]. Bên cạnh đó, giao tiếp trên mạng xã hội thiếu các phương tiện phi ngôn ngữ làm giảm khả năng thúc đẩy sự thể hiện bản thân trên mạng xã hội, bởi các cá nhân chủ yếu chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ và thể hiện bản thân qua các nội dung đăng tải (Walther, 2007) [15]. Khai thác thêm thông tin để giải thích cho hiện tượng này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu trên nhóm học sinh trung học. Nhóm học sinh lớp 10 cho rằng: *“Chúng em ít khi hoặc là không bao giờ đăng tải hay thể hiện quan điểm trên mạng xã hội bởi chúng em cần mất khá nhiều thời gian để soạn thảo nội dung một cách cẩn chu, ngoài ra vấn đề bị tấn công trên mạng xã hội cũng là một rủi ro lớn.”*

Sự khác biệt về mức độ hành vi thể hiện bản thân xét theo giới tính có những kết quả khác nhau. Chúng tôi phát hiện ra rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong hành vi thể hiện về bề ngoài của học sinh trung học xét theo sự khác biệt về giới tính, trong đó học sinh nữ bộc lộ hành vi này phù hợp hơn học sinh nam. Ngoài ra, chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong các biểu hiện còn lại hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo sự khác biệt về giới tính. Ủng hộ kết quả này, Trương Thị Khánh Hà và cộng sự (2021) cũng khẳng định rằng đa phần học sinh đánh giá, chú ý, quan tâm đến ngoại hình và luôn cố gắng duy trì một hình ảnh bề ngoài tốt nhất, trong đó các em nữ có những biểu hiện này cao hơn các em

nam [16]. Theo Dương Thị Diệu Hoa và cộng sự (2024) hình ảnh về bản thân là một trong những đặc trưng tâm lý điển hình của lứa tuổi này, vì vậy nhiều em (cả nam và nữ) đều quan tâm đến vẻ bề ngoài của mình trong mắt của bạn bè, và mối quan tâm này được bộc lộ ra bên ngoài cả bằng những hành vi tích cực lẫn những hành vi tiêu cực [3]. Tương tự, xét theo khối lớp và địa bàn trường học, nghiên cứu cũng không tìm thấy bất kỳ sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nào trong các mặt biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học. Kết luận này của chúng tôi được ủng hộ bởi các kết quả nghiên cứu trước đây, rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về việc tự bộc lộ bản thân ở những học sinh trung học có độ tuổi hay khối lớp khác nhau. Kết quả chúng tôi thu được sự tương đồng với các kết quả nghiên cứu trước đây, rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về việc tự bộc lộ bản thân ở những học sinh trung học có độ tuổi hay khối lớp khác nhau (Shulman và cộng sự, 1997; Simpkins và cộng sự, 2016) [17], [18]. Ngoài ra, sau khi tổng hợp các kết quả phỏng vấn học sinh trung học (bao gồm cả nội thành và ngoại thành), chúng tôi cũng phát hiện ra rằng phần lớn trong câu trả lời của các em đều đề cập đến tầm quan trọng của vẻ bề ngoài của bản thân, bao gồm ngoại hình, giọng nói, cách đi đứng, thần thái,... Khi được hỏi sâu hơn nhằm tìm hiểu lý do, học sinh B. A. (lớp 8, nội thành) chia sẻ rằng: “Em từng thấy có những người bạn bị trêu ghẹo, kì thị vì có vẻ bề ngoài “quê mùa”, và những bạn xinh đẹp thường thu hút sự quan tâm của mọi người hơn, nên em cũng rất coi trọng “giao diện” của bản thân”. Cũng coi trọng kiểu hành vi thể hiện này, học sinh Đ. P. (lớp 10, ngoại thành) khẳng định “Nếu em không có phong thái chừng chặc, chuẩn men thì kiểu gì cũng bị trêu là “bóng”, hay “Lầu Gà Bình Thuận” (LGBT)”. Có thể thấy rằng dù các em học sinh trung học ở nội thành và ngoại thành có những nhu cầu, mục đích và lý do khác nhau khác nhau, nhưng các em đều bộc lộ điểm chung thông qua việc ý thức đến việc thể hiện về bề ngoài của mình.

3. Kết luận

Hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học từ lâu nhận được rất nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trên thế giới, tuy nhiên, chưa có nhiều công trình khoa học về hiện tượng tâm lý này ở Việt Nam được nghiên cứu một cách độc lập. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học đạt mức độ tương đối phù hợp, trong đó hành vi thể hiện về bề ngoài được học sinh trung học bộc lộ nhiều nhất, tiếp đến là hành vi thể hiện giá trị đạo đức, và hành vi thể hiện năng lực của học sinh trung học đạt điểm thấp nhất. Bên cạnh đó, hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học trong đời sống thực được bộc lộ phù hợp hơn so với trên mạng xã hội. Học sinh nữ bộc lộ hành vi thể hiện về bề ngoài nhiều hơn và phù hợp hơn học sinh nam. Ngoài ra, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong các biểu hiện của hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học xét theo sự khác biệt về khối lớp và địa bàn trường. Đây là những phát hiện có giá trị về thực trạng hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học cũng như những khía cạnh khác biệt liên quan đến hành vi này như giới tính, khối lớp và địa bàn trường. Kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần giúp cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, giáo viên, và cha mẹ có những định hướng để hỗ trợ hiệu quả cho học sinh trung học. Đặc biệt, kết quả này cũng giúp cho những chuyên viên tâm lý học đường xây dựng các chương trình phòng ngừa nhằm giúp các em thể hiện bản thân một cách phù hợp.

Mặc dù vậy, nghiên cứu vẫn còn có một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát học sinh thông qua các bảng hỏi tự thuật, cần kết hợp thêm một số phương pháp khác như quan sát hay phỏng vấn giáo viên, cha mẹ học sinh để giúp kết quả nghiên cứu được khẳng định hơn. Thứ hai, mặc dù đã xác định sự khác biệt về hành vi thể hiện bản thân xét theo giới tính của học sinh trung học, song nghiên cứu chưa đi sâu tìm hiểu rõ những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự khác biệt này. Tuy nhiên, những hạn chế được đề cập này cũng sẽ là gợi ý có giá trị cho những nghiên cứu trong tương lai để hoàn thiện bức tranh thực trạng về hành vi thể hiện bản thân của học sinh trung học ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Zhichkina AE, (1999). Osobennosti sotsial'noi pertseptsii v Internete [Features of social perception on the Internet]. *Mir psikhologii* [World of psychology], 3, pp. 72 - 80. (In Russ.).
- [2] Leary MR, (1993). The interplay of private self-processes and interpersonal factors in self-presentation. In J. M. Suls (Ed.), *The self in social perspective*, p. 127–155. Lawrence Erlbaum Associates, Inc.
- [3] DTD Hoa, NA Tuyết, NK Hào, PT Ngo, & ĐTH Phúc, (2024). *Giáo trình Tâm lý học phát triển* (tái bản lần thứ 9). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- [4] PT Ngo & LM Nguyệt (2019). *Giáo trình các lý thuyết phát triển tâm lý người*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Huang H, (2014). *Self-presentation Tactics in Social Media*. International Conference on Social Science, Chengdu, China (ICSS 2014), 416-421. <https://doi.org/10.2991/icss-14.2014.76>.
- [6] TTK Hà, (2013). Chương 3: Thanh thiếu niên, *Giáo trình tâm lý học phát triển*, tr.179-231. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia.
- [7] NLT Trang, CL Trang & BA Tú, (2024). Ảnh hưởng của mặc cảm ngoại hình đến năng lực cảm xúc xã hội của trẻ vị thành niên tại Hà Nội. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 2(325), 342-344.
- [8] HT Phương, (2016) Việc thể hiện “cái tôi” trên mạng Internet của giới trẻ Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức*, 31, 146-151.
- [9] Kowalski RM & Leary MR, (1990). Strategic self-presentation and the avoidance of aversive events. Antecedents and consequences of self-enhancement and self-depreciation. *Journal of Experimental Social Psychology*, 26, 322–336.
- [10] HV Minh, & LN Hoạt, (2020). *Phương pháp chọn mẫu và tính cỡ mẫu trong nghiên cứu khoa học sức khỏe*. Trường Đại học Y tế công cộng. Mạng lưới Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe Việt Nam.
- [11] Jones EE & Pittman TS, (1982). Toward a general theory of strategic self-presentation. *Psychological Perspectives on the Self*, 1, 231-262.
- [12] Friedlander ML & Schwartz GS, (1985). Toward a theory of strategic self-presentation in counseling and psychotherapy. *Journal of Counseling Psychology*, 32(4), 483-501. <https://doi.org/10.1037/0022-0167.32.4.483>.
- [13] PM Hà, TT Nam, NTA Thu & NTB Thủy, (2022). *Tài liệu tập huấn cho cán bộ, giáo viên các trường phổ thông về tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [14] Rui JR & Stefanone MA, (2013). Strategic image management online. *Information, Communication & Society*, 16(8), 1286-1305. <http://dx.doi.org/10.1080/1369118X.2013>.
- [15] Walther, J. B, (2007). Selective self-presentation in computer-mediated communication: Hyperpersonal dimensions of technology, language, and cognition. *Computers in Human Behavior*, 23(5), 2538-2557. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2006.05.002>.
- [16] TTK Hà, HT Thảo & PT Tâm (2021). Nghiên cứu hình ảnh cơ thể bản thân bằng thang đo hình ảnh cơ thể - ngoại hình MBSRQ-AS. *Tạp chí Tâm lý học*, 9(270), 39-50.
- [17] Shulman S, Laursen B, Kalman Z & Karpovsky S, (1997). Adolescent intimacy revisited. *Journal of Youth and Adolescence*, 26(5), 597–617.
- [18] Simpkins SD, Parke RD, Flyr ML & Wild MN, (2006). Similarities in children's and early adolescents' perceptions of friendship qualities across development, gender, and friendship qualities. *Journal of Early Adolescence*, 26(4), 491–508.